

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 5 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túc

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1993, cư trú tại xóm D, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Tấn L – Luật sư của Công ty L1 – Chi nhánh tại Quảng Ngãi, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A đường Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị T1 - sinh năm 1996, cư trú tại xóm Đ, thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn.

(Anh Nguyễn Ngọc T, Luật sư Nguyễn Tấn L, chị Đoàn Thị T1 có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Anh và chị Đoàn Thị T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là Ủy ban nhân dân xã B), huyện B, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 10/8/2018. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian và sinh được hai con chung. Tuy nhiên, kể từ khi sinh con thứ hai, vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã trong cuộc sống hàng ngày, chị T1 và các con sinh sống tại nhà mẹ đẻ, anh đến thăm con thì chị T1 và gia đình cản trở, không cho anh thăm con. Từ ngày 15/9/2023 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay anh thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung và cũng không thể đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đoàn Thị T1.

Về con chung: Giữa anh và chị T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T2, sinh ngày 16/3/2019 và cháu Nguyễn Đoàn Thiện P, sinh ngày 01/7/2020, hiện chị T1 đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không nuôi dưỡng được cả hai con thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng một trong hai con, con chung còn lại giao cho chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Hiện các con đang sinh sống cùng với chị T1 tại nhà mẹ đẻ chị T1 thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Công việc của anh hiện nay là công nhân tại Công ty cổ phần T3, thời gian làm việc theo ca, thu nhập bình quân mỗi tháng hơn 10.000.000 đồng; anh chưa có nhà ở riêng, còn ở chung nhà với bà ngoại là bà Nguyễn Thị M tại xã B.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng anh không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 29/11/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Đoàn Thị T1 trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất như lời trình bày của anh T về việc chị và anh T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian, đến khi sinh con thì chị về nhà mẹ đẻ sinh sống. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nhiều lần xảy ra cãi vã, xung đột, anh T có những lời nói thiếu tôn trọng, xúc phạm chị và gia đình, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc và cũng không thể đoàn tụ được nên việc anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng

ý.

Về con chung: Giữa anh T và chị có hai con chung như anh T trình bày, từ ngày vợ chồng không sống chung đến nay, chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, anh T có đến thăm con nhưng không có đóng góp tiền để nuôi con. Hiện các con còn nhỏ, đã sinh sống ổn định với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, chị không đồng ý giao con lại cho anh T nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho hai con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (2.000.000 đồng/tháng/02 con).

Công việc của chị hiện nay là làm công nhân may tại Công ty TNHH M1, thu nhập bình quân hàng tháng hơn 10.000.000 đồng; chị và các con đang ở cùng nhà mẹ đẻ của chị tại xã B.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng chị không có tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản án số 05/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Đoàn Thị T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 10/8/2018 do Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã B), huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho anh Nguyễn Ngọc T và chị Đoàn Thị T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Thiện P, sinh ngày 01/7/2020 và cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T2, sinh ngày 16/3/2019 cho chị Đoàn Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng cho cháu

Nguyễn Đoàn Thiện P và cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T2 mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2024) đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Đoàn Thị T1 là người đại diện cho các con chung chưa thành niên yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

*Ngày 24/01/2024 và ngày 30/01/2024, anh Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng buộc chị Đoàn Thị T1 có nghĩa vụ giao lại cả 02 con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng; trường hợp không giao được cả 02 con chung thì anh T yêu cầu chị T1 phải giao lại 01 con chung cho anh nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.*

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T; giao cho anh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đoàn Thiện P và cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T2; trường hợp không giao được cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng thì đề nghị giao 01 con chung cho anh T nuôi dưỡng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*  
Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hình thức, nội dung, thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ- ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện B. Về án phí anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Việc kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

**[2] Về nội dung:** Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số

05/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2024 theo hướng buộc chị Đoàn Thị T1 có nghĩa vụ giao lại cả 02 con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng; trường hợp không giao được cả 02 con chung thì anh T yêu cầu chị T1 phải giao lại 01 con chung cho anh nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

[2.1] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định anh T và chị T1 có 02 con chung tên là: Nguyễn Đoàn Thiện P, sinh ngày 01/7/2020 và Nguyễn Đoàn Ngọc T2, sinh ngày 16/3/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T1 đều có yêu cầu được nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay các cháu P, T2 đang sinh sống cùng chị T1 tại xã B, anh T và chị T1 đều thừa nhận từ trước đến nay chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; kể từ ngày vợ chồng không còn sống chung đến nay, chị T1 vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng hai con phát triển bình thường.

Qua tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thì thấy rằng thu nhập bình quân của anh T, chị T1 mỗi người đều là 10.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, anh T làm công nhân lái xe tại Công ty cổ phần T3, thời gian làm việc theo ca và hiện đang sống chung với bà ngoại và mẹ; bà ngoại anh T hiện đã lớn tuổi còn mẹ anh T thì bị bệnh. Chị T1 có kinh tế ổn định, làm việc tại Công ty TNHH M1 ở khu công nghiệp V, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có thời gian để chăm sóc con chung, có chỗ ở cùng với mẹ ruột chị T1 tại thôn B, xã B. Bên cạnh đó, các cháu T2 và P đã sinh sống ổn định với chị T1, các cháu còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ nhiều hơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh T trình bày từ khi chị T1 đưa con về nhà mẹ đẻ của chị T1 ở, anh có đến thăm nhưng không đóng góp tiền nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cung cấp chứng cứ về việc chuyển khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T1 tháng 2, 3, 4 năm 2024 với số tiền là 6.000.000 đồng là trong khoảng thời gian đã có bản án sơ thẩm và giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Anh T kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con hoặc yêu cầu được nuôi 01 con, trong trường hợp chị T1 không có khả năng nuôi cả hai con nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ nào để cho rằng chị T1 không có khả năng nuôi con chung ngoài chứng cứ anh đã chuyển khoản số tiền 6.000.000 đồng như trên, giấy xác nhận cho anh T ở cùng trên thửa đất số 255, tờ bản đồ số 16, xã B của bà Nguyễn Thị M (bà ngoại anh T) và Hợp đồng lao động số 237.08/2020/HĐLĐ-THPDQ ngày 21/7/2020. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng thừa nhận từ ngày hai con sống cùng với chị T1 thì các cháu đều phát triển bình thường về tâm sinh lý. Trường hợp nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ giao 01 con cho anh T nuôi và chị T1 nuôi con còn lại thì cũng ảnh hưởng đến tâm sinh lý của hai cháu.

Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để ổn định việc sinh hoạt, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định giao các cháu P, T2 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo được nuôi con của anh T.

[2.2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong vụ án này, chị T1 có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các cháu T2, P mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/01/2024) cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của các cháu P, T2. Vì anh T kháng cáo buộc chị T1 giao lại cả 02 con hoặc 01 con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào cấp dưỡng nuôi con không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định y án về phần cấp dưỡng nuôi con.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, tổng cộng là 450.000 đồng (Bốn trăm, năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001252, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, còn lại anh Nguyễn Ngọc T phải nộp số tiền là 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002000 ngày 29/02/2024 tại Chi cục thi hành án B. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Đoàn Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Thiện P, sinh ngày 01/7/2020 và cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T2, sinh ngày 16/3/2019 cho chị Đoàn Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đoàn Thiện P và cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T2 mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2024) đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, tổng cộng là 450.000 đồng (*Bốn trăm, năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001252, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, còn lại anh Nguyễn Ngọc T phải nộp số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*).

4.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng phúc thẩm anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002000 ngày 29/02/2024 tại Chi cục thi hành án B.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Túc**



***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Túc**